

Câu đối Tết

- cội nguồn phong tục và diễn biến lịch sử

CS.TS. KIỀU THU HOẠCH*

Nói đến câu đối Tết, chúng ta thường quan tâm đến nội dung văn học, ý nghĩa văn học của nó mà không mấy ai để ý tới một khía cạnh khác, đó là ý nghĩa ma thuật thần bí của nó.

Theo nhiều sử sách Trung Hoa cho biết, thì vào thời cổ đại/thời Hoàng Đế, trên núi Độ Sóc ở biển Đông, có một cây đào thần kỳ, tán cây toả rộng tới ba ngàn dặm, tại gốc đào khổng lồ ấy có hai vị thần tên là Thần Đổ và Uất Luỹ chuyên cai quản lũ quỷ dữ, con quỷ nào ác độc đều bị hai vị thần dùng thùng bện bằng cây sậy bắt trời đem cho hổ ăn. Do đó, Hoàng Đế sai lấy gỗ đào tạc hình Thần Đổ, Uất Luỹ và con hổ, lại gài cả thùng bằng sậy vào đó, rồi để bên cửa để trừ tà đuổi quỷ. Vào thời Chiến Quốc, vùng Trung Nguyên đã thấy có tục này, lâu dần về sau đã trở thành phong tục phổ biến trong dân gian. Cứ vào dịp Xuân về Tết đến, lại có tục ngày mồng 1 tháng Giêng, người ta lấy

mảnh gỗ đào vẽ tượng trưng hình hai ông thần có tên Thần Đổ, Uất Luỹ, gọi là bùa đào (đào phũ) để treo lên cửa, lại dán cả tranh vẽ gà và treo chiếc thùng sậy lên khung cửa để trừ tà, trừ bách quỷ. Về sau người ta chỉ viết tên Thần Đổ, Uất Luỹ lên bùa đào mà không cần vẽ hình. Đến thời Ngũ đại Hậu Thục (919 - 965), Thục chúa là Mạnh Sướng đã đích thân cầm bút viết lên mảnh gỗ đào hai vế đối: "Tân niên nạp dư khánh/Gia tiết hào trường xuân". Nghĩa là: Năm mới tụ phúc lớn/Tiết đẹp gọi xuân dài. Mọi người cho đây là đôi câu đối Tết sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc. Người Trung Hoa thường gọi câu đối Tết với nhiều tên khác nhau: Xuân liên, đối liên, môn đối, đối tử... song tên gọi Xuân liên là phổ biến hơn cả.

Từ đời Tống trở đi, cứ dịp Tết Xuân các văn nhân học sĩ lại đua nhau làm câu đối để gửi

* VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ

gắm tâm tình, chí hướng của mình. Nhiều giai thoại còn chứng tỏ tình hình này: Chẳng hạn có thể kể chuyện Tô Đông Pha làm câu đối nhân dịp dọn nhà mới vào đúng dịp năm mới:

Xuân phong xuân vũ xuân sắc

Tân niên tân cảnh tân gia

Nghĩa là: Năm mới, cảnh mới, nhà mới

Gió xuân, mưa xuân, sắc xuân

Sau khi câu đối dán lên cổng, kẻ qua người lại đều khen ngợi, thích thú, và đến đêm tối đối câu đối đã bị bóc trộm. Tô Đông Pha bực mình, bèn viết lại hai câu khác:

Phúc vô song chí

Hoạ bất đơn hành

Nghĩa là: Phúc không hai lần tới

Hoạ chẳng một phen về

Bà vợ nhà thơ cần nhân là câu đối viết thế thì xúi quẩy lắm. Mà quả như cảm nhận của bà vợ nhà thơ, có lẽ nhiều người cũng nghĩ vậy, nên câu đối vẫn còn, không bị ai bóc trộm nữa. Còn Tô Đông Pha thì chỉ cười thầm, rồi ông lấy bút mực viết nổi thêm như sau:

Phúc vô song chí kim chiêu chí

Hoạ bất đơn hành tạc dạ hành

Nghĩa là:

Phúc không hai tới sớm nay tới

Hoạ chẳng một đi đêm qua đi

Đây chẳng qua cũng là một định kiến trong dân gian "Hoạ vô đơn chí/Phúc bất trùng lai" (Hoạ không một lần tới/Phúc chẳng hai phen về) song Tô Đông Pha lại muốn nói khác đi: Phúc vẫn đến hai lần, mà hoạ chẳng tới lần nào... bởi đêm qua nó đã đi mất tăm rồi.

Nhưng theo truyền tụng, cái tên Xuân liên (Câu đối Xuân) được mệnh danh chính thức là do từ Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Sau khi định đô ở Nam Kinh, ông vua này đã hạ lệnh cho mọi người vào trước đêm 30 Tết đều phải làm đôi câu đối dán ở cổng, rồi nhà vua còn đi vi hành các phố phường để kiểm tra việc này. Từ đời Minh, câu đối Xuân/Tết bắt đầu thịnh hành và đều được viết trên giấy thay vì viết trên mảnh gỗ đào như xưa kia. Bấy giờ, người Trung Hoa thường thích dùng giấy đỏ để viết câu đối Tết; duy cung thất dùng giấy trắng, mép viền đỏ/xanh, và nếu không phải tông thất không được dùng kiểu giấy này. Điều thú vị là sách "Yên Kinh tuế thi ký" còn cho biết: Cứ vào khoảng cuối tháng Chạp hằng năm, một số văn nhân mặc khách nhất là những thư pháp gia lại

ngồi dưới mái hiên hè phố, để viết câu đối Tết kiếm chút tiền.

Đó là nói về mặt cội nguồn và ý nghĩa sâu xa của câu đối Tết như là một phong tục ngày Xuân. Còn xét về mặt văn học thì đúng như Dương Quảng Hàm đã nhận định: Một đặc tính của văn chương chữ Hán (Trung Quốc, Việt Nam) là phép đối, không những là văn vần (thơ, phú) mà các biền văn (câu đối, tứ lục, kinh nghĩa), và đến cả văn xuôi nhiều khi cũng đặt thành hai câu đối nhau, hoặc hai đoạn trong một câu đối nhau. Về phép đối trong thuật làm câu đối, Dương Quảng Hàm cũng cho biết sơ lược về các phép đối ý (nội dung tư tưởng); đối chữ (tự loại); đối thanh (bằng, trắc) v.v... (Việt Nam văn học sử yếu).

Như vậy, bắt nguồn từ tục treo bùa đào (đào phù) câu đối Tết trong quá trình diễn biến lịch sử đã kết hợp với các thể loại thơ văn chữ Hán để trở thành một thể loại độc lập mang tính văn học, hay nói khác đi, câu đối cũng là một thể loại văn học. Do đó, người ta không chỉ làm câu đối mỗi khi Tết đến Xuân về, mà còn làm cả câu đối mừng thọ, mừng đám cưới, câu đối diếu tang, câu đối ở các đình chùa, đền miếu v.v...

Việt Nam, Trung Quốc do hoàn cảnh địa lý - lịch sử, văn hoá/phong tục có nhiều điểm gần gũi. Tục chơi câu đối Tết của Trung Quốc truyền sang ta từ lúc nào không thấy sử sách cũ ghi chép. Song, căn cứ vào bài thơ Nôm "Tứ thời khúc vịnh" của Hoàng Sĩ Khải, được viết khoảng cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII còn có câu: *Đào phù cấm quỷ phòng linh ngăn tà*, thì có thể biết tục treo bùa đào (hình thức tiền thân của câu đối Tết) cũng đã xuất hiện ở Việt Nam thời này. Còn theo sử sách cũ thì vào thời Lê Thánh Tông (1460), có nhiều giai thoại nói về việc nhà vua vi hành kinh thành Thăng Long và làm câu đối Tết hộ các nhà dân làm nghề thợ nhuộm, hót phân... Như thế có thể biết chắc chắn rằng, từ thời Lê Thánh Tông, tục chơi câu đối Xuân/Tết ở Việt Nam đã rất thịnh hành. Kho tàng giai thoại văn học Việt Nam còn để lại nhiều chuyện khá lý thú về việc vua Lê Thánh Tông đi chơi phố phường Thăng Long và làm câu đối Tết cho dân. Chúng ta hãy nghe một vài chuyện:

- Tục truyền, vào tối 30 Tết năm nọ, vua Lê Thánh Tông giả làm chân học trò đi dạo xem các câu đối ở kinh thành. Chợt qua cửa nhà một

người đàn bà làm nghề thợ nhuộm, thấy không có câu đối, nhà vua lấy làm lạ ghé vào thăm hỏi. Người đàn bà kêu là goá chồng, con trai là học trò nhỏ chưa biết làm câu đối. Nhà vua liền bảo lấy giấy hồng điều và bút mực, rồi vua hạ bút viết hộ một đôi câu đối như sau:

Thiên hạ thanh hoàng giai ngã thủ

Triều trung chu tử tống ngô gia

Nghĩa là:

Xanh vàng thiên hạ đều tay mỡ

Đỏ tía trong triều bởi cửa ta

Mấy hôm sau, Thượng thư đương triều là Trạng nguyên Lương Thế Vinh đi châu qua nhà thợ nhuộm thấy đôi câu đối có khẩu khí như vậy thì hoảng hốt vô cùng. Vào triều, họ Lương tâu với vua rằng ngoài phố có nhà ấy nhà nọ có ý muốn làm bá chủ thiên hạ, cần phải cho người đi dò xét. Lê Thánh Tông nghe xong, phì cười, nhận câu đối đó là do chính tay mình viết hộ, khiến Thượng thư họ Lương bị một phen chung hửng. Nhưng sau đó, quan Thượng thư thăm nghĩ rằng nhà thợ nhuộm mà Tết nhất lại được Thiên tử ngự giá đến, hẳn sau này con cháu phải giàu sang lắm, bèn đem ngay cô con gái út đến gả cho con trai nhà thợ nhuộm.

- Một chuyện khác kể rằng, nhân dịp đầu năm mới, vua Lê Thánh Tông ăn mặc giả làm thường dân đi chơi phố phường kinh đô để xem xét dân tình. Đi tới đâu nhà vua cũng thấy la liệt những câu đối ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị, nhà vua rất hài lòng. Riêng nhà nọ, chẳng treo đèn kết hoa, cũng chẳng có đối liễn gì hết. Vua rẽ vào hỏi, chủ nhà trả lời rằng:

"Chả nói giấu gì bác, nhà cháu làm cái nghề hèn hạ quá, nên chẳng dám phô phang gì với phố phường cho thêm tủi!"

Vua ngạc nhiên nói: "Sao lại có nghề gì là nghề hèn hạ?"

Chủ nhà cứ thật thà trả lời:

"Dạ, nhà cháu chỉ chuyên đi hót phân người để bán thôi ạ!"

Nhà vua nghe xong, cười bảo:

"Ồ, nếu vậy nhà bác đây là sang trọng bậc nhất, mà nghề của bác cũng vẻ vang bậc nhất. Câu đối của bác nếu dán lên cũng hay bậc nhất, việc gì mà lại kêu là hèn!"

Rồi vua gọi lấy giấy bút, viết giùm cho một đôi câu đối như sau:

Ý nhất nhung y, năng đảm thế gian nan sự
Đề tam xích kiếm, tận thu thiên hạ nhân tâm

Kiểu Thu Hoạch: *Câu đối Tết - cội nguồn phong tục và...*

Nghĩa là:

Khoác một áo bào, gánh vác khó khăn thiên hạ

Cầm ba thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian
 Khách qua lại nhìn đôi câu đối, quả nhiên đều kinh ngạc, xôn xao bàn tán về cái khẩu khí lớn lao của đôi câu đối...

Ngoài câu đối viết bằng chữ Hán, đặc biệt ở Việt Nam, câu đối Tết còn được làm bằng chữ Nôm, và về sau câu đối Tết còn được viết cả bằng chữ quốc ngữ. Trong di sản câu đối Tết, còn lưu truyền những câu đối Tết hoặc Hán, hoặc Nôm rất hay của các danh sĩ hàng đầu như Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tú Xương...

Chẳng hạn, Bà chúa thơ Nôm còn để lại một đôi câu đối Tết vừa mang màu sắc phồn thực vừa như Bà cũng thức nhận được cái ý nghĩa ma thuật "Đào phù cấm quỷ" thời cổ đại:

Tối ba mươi khép cánh càn khôn, nich chặt lại kéo ma vương đưa quỷ tới,

Sáng mừng một lỏng then tạo hoá, mở toang ra cho thiếu nữ đón xuân vào.

Còn về Thánh Quát, trong một dịp đón xuân ở Hà Thành, rất nhiều người đến xin câu đối về dán, cũng lưu truyền những mẫu chuyện vui vui. Số là trong đám người đến xin câu đối Tết, có một anh chàng làm nghề đóng áo quan, và một chị nọ đang bụng mang dạ chửa. Để đỡ mắt công suy nghĩ, Thánh Quát bèn viết cho anh thợ đóng áo quan một đôi câu đối như sau:

Thiên thiên tuế nguyệt nhân thiên Thọ

Xuân mãn càn khôn phúc mãn Đường

Nghĩa là:

Trời thêm năm tháng người thêm thọ

Xuân khắp non sông phúc chập nhà

Đây là câu đối có sẵn, đã thành khuôn sáo cũ, mà thời xưa, hầu như trong dân gian chẳng mấy ai không thuộc; cả Trung Quốc và Việt Nam đều như vậy. Thế nhưng cái sự tài tình mà cũng là cái sự hóm hỉnh của Cao Bá Quát lại là ở chỗ lợi dụng được hai chữ thọ đường. Chữ Thọ đứng riêng là sống lâu, chữ Đường đứng riêng là cái nhà; nhưng thọ đường ghép liền thì lại có nghĩa là cỗ áo quan/cỗ quan tài. Câu đối vừa mừng Xuân vừa chỉ đích danh vào cái nghề đặc biệt của anh thợ mộc thì quả là sâu sắc và hay tuyệt.

Còn với chị đàn bà bụng chửa, Thánh Quát vẫn sử dụng đôi câu đối ấy, song bớt đi mỗi vế

một chữ cuối, và đảo ngược hai vế thành ra:

*Xuân mãn càn khôn, phúc mãn
Thiên thêm tuế nguyệt, nhân thêm*

Nghĩa là:

*Xuân đầy trời đất, phúc đầy
Trời thêm năm tháng, người thêm*

Vế trên nói đến ý "phúc đầy" rõ ràng là nói về cái bụng chứa; bởi chữ *phúc* là hạnh phúc cũng đồng âm với chữ *phúc* là cái bụng, mà "phúc mãn" có nghĩa là bụng đầy/bụng to, tức là bụng có chứa. Còn vế dưới nói đến ý "người thêm", rõ ràng là chỉ vào việc người phụ nữ sắp đẻ, sắp thêm người thêm của như lời chúc của dân gian. Bụng to rồi đẻ thêm người, như thế là "mẹ tròn con vuông". Phỏng có lời chúc nào đúng và hay hơn ý tứ của đôi câu đối đó!

- Người làm câu đối Nôm nổi tiếng nhất, nhiều nhất, hay nhất, tài tình nhất, theo nhận xét của Xuân Diệu, đó chính là Nguyễn Khuyến. Quả có như vậy. Đáng chú ý là một số lượng lớn câu đối Nôm của Nguyễn Khuyến đều là làm giúp cho người khác. Điều này càng chứng tỏ uy tín lớn của nhà thơ đối với công chúng đương thời. Riêng một số câu đối Tết là những câu nhà thơ làm cho chính mình.

Tương truyền khi Nguyễn Khuyến cáo quan về dạy học ở một làng nọ, theo lệ cứ đến khoảng cuối tháng Chạp, vào dịp năm hết Tết đến là các phụ huynh học sinh lại tính sổ để trả nốt tiền cho thầy về quê ăn Tết. Nguyễn Khuyến vốn là nhà thơ thích khôi hài, trước cảnh tượng các ông bố học trò lui tới nộp tiền cho thầy, liền tức cảnh hai vế đối Nôm như sau:

*Hàng ngày mổ bụng con nhét chữ
Cuối năm bỏ đầu bố lấy tiền*

Ai đọc đôi câu đối cũng phải buồn cười, song không ai là không bội phục cái tài chơi chữ của cụ Tam nguyên.

Một chuyện khác kể rằng: Cũng vào thời gian cụ Tam Nguyên Yên Đổ/Nguyễn Khuyến về làng dạy trẻ, lại cũng vào dịp đón xuân mới, bạn bè các nơi rủ nhau về thăm cụ khá đông vui. Trong cuộc rượu mừng hội ngộ, nhà thơ Nguyễn Khuyến đã nổi hứng làm luôn đôi câu đối Nôm khá dài để nói về cái cảnh mình vừa mở trường dạy học vừa tham gia công việc ở làng quê:

*Quan chẳng quan thì dân, chiếu trung đình
ngất ngưỡng ngồi trên, nào lệnh, nào trưởng,
nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, đồng*

*góp làm sao, một năm mười hai tháng thanh
thời, cái thủ lợn nhìn thầy đà nhẩn mặt.*

Già chẳng già với trẻ, đàn tiểu tử lau nhau
đứng trước, này phú, này thơ, này đoạn một,
bằng là thế, trắc là thế, điểm khuyên là thế, ba
vạn sáu ngàn ngày thắm thoát, con mắt gà đeo
kính đã mòn tai.

(Vế đối trên nói về việc Nguyễn Khuyến hằng hái tham gia công việc làng - *Chiếu trung đình* là chỉ việc cụ Tam Nguyên giữ ngôi tiên chỉ ở làng, khi ra đình, được ngồi chiếu giữa - *Lệnh, trưởng* là hai chức vị ở làng, dành cho người có danh vọng và nhiều tuổi nhất - *Bàn ba* là bàn dọn cỗ hàng thứ ba ở đình làng - *Thủ lợn* là lễ vật cúng ở đình, sau khi cúng xong thì ngôi tiên chỉ được hưởng lộc.

Vế đối dưới nói về việc cụ Tam Nguyên sau khi cáo quan về mở trường dạy học trò - *Chẳng già với trẻ* là ý nói không muốn già với đám trẻ con, cùng hoà mình vui đùa với chúng - *Tiểu tử*, chỉ các học trò nhỏ - *Đoạn một* là lối tập làm văn giản đơn - *Bằng trắc*, tức âm đọc không dấu hoặc dấu huyền là bằng; âm đọc có dấu sắc, nặng, hỏi, ngã là trắc - *Điểm khuyên* chỉ cách chấm văn chữ Hán - chữ Nôm xưa, chỗ nào hay vừa thì thầy chấm những chấm son bên cạnh, chỗ nào thật hay thì khuyên vòng tròn, còn chỗ nào dở thì thầy sổ nét dọc - *Mắt gà* chỉ mắt bị bệnh quáng gà hoặc mắt mờ như quáng gà).

Hai vế đối của Tam Nguyên Yên Đổ tuy là tả thực, nhưng đọc kỹ ta vẫn nhận ra cái giọng chua xót của một cây bút trào phúng thâm trầm, sâu sắc. Nguyễn Khuyến là nhà Nho ưu thời mẫn thế và sống có nhân cách. Tuy có hơn 10 năm làm quan với triều Nguyễn "Ràng quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu", nhưng vì trọng khí tiết nên nhà thơ cam chịu sống thanh bần:

*Sớm trưa dưa muối cho qua bữa
Chợ búa trâu chè chẳng dám mua
(Chốn quê)*

Những nỗi niềm cay đắng, xót xa này, chúng ta đều phải phát thấy trong câu đối Tết của nhà thơ: *Mổ bụng con nhét chữ/bỏ đầu bố lấy tiền - thủ lợn nhìn thầy đà nhẩn mặt/mắt gà đeo kính đã mòn tai...*

Phải nhận rằng kho tàng câu đối Nôm - trong đó có câu đối Tết, đến Nguyễn Khuyến đã đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật, đây là một bước phát triển đầy sáng tạo của văn học trung

đại Việt Nam, đồng thời đây cũng là một di sản văn hoá phi vật thể vô cùng quý báu và hiếm lạ của văn hoá Việt Nam.

Cho tới trước năm 1945, tục chơi câu đối Tết vẫn rất thịnh hành: *Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ/Cây nêu tràng pháo bánh trưng xanh*. Vào thời điểm "Ông Nghè ông Cống cũng nằm co", ngoài câu đối Tết viết bằng chữ Hán - Nôm, câu đối Tết viết bằng chữ quốc ngữ

cũng khá phát triển và được nhiều người ưa thích. Ở đây cũng cần nói thêm rằng, đồng thời với việc làm câu đối Tết, còn kéo theo cả sự phát triển của nghệ thuật thư pháp mà bài thơ "Ông đồ" nổi tiếng của Vũ Đình Liên còn phản ánh rõ thú chơi này:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua
Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay...*

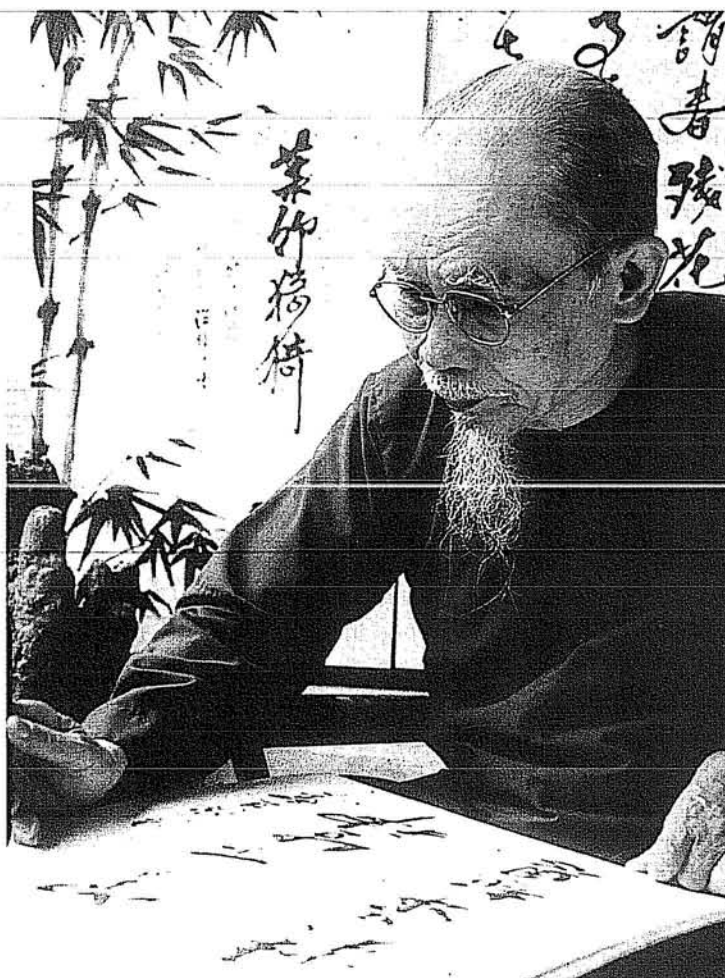
Ngày nay, cứ mỗi khi Xuân về Tết đến, các tay thư pháp mới cũng lại đua nhau viết câu đối Tết trên đường phố ở một số đô thị lớn (họ viết cả Hán - Nôm và chữ quốc ngữ). Rồi trên các trang báo Xuân báo Tết cũng không thể thiếu câu đối Tết. Thiết nghĩ đây cũng là một tục đẹp, một thú chơi văn hoá Tết cần duy trì và phát triển như một di sản văn hoá phi vật thể truyền thống sống động./.

K.T.H

Kiểu Thu Hoạch: *Câu đối Tết - cội nguồn phong tục và...*

Tài liệu tham khảo chính:

- 1 - Trung Quốc dân gian tín ngưỡng phong tục từ điển, Trung Quốc văn liên xuất bản xã, Bắc Kinh, 1992.
- 2 - Trung Quốc thần thoại truyền thuyết từ điển, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1985.
- 3 - Kiểu Thu Hoạch: *Tổng tập giai thoại văn học Việt Nam*, Nxb. KHXH, 2004.



Nhà Hán học Lê Xuân Hòa thảo chữ mừng Xuân

Ảnh: Trịnh Hải

SUMMARY: NEW YEAR COUPLET – ORIGIN OF HABITS AND CUSTOMS AND HISTORICAL EVOLUTION (KIEU THU HOACH)

From the view of habits and customs, it introduces the deep origin of New Year couplet. Coming from the hang of charm to drive away evil, bring back happiness and good harvest, to the Minh dynasty in China when the New Year couplet become popular. From the Post-Le dynasty, Vietnam has been affected by this customs and continued to present time as one of fine customs during New Year days in Spring.